

M C L C

PH N I: GI I THI U CHUNG V DOANH NGHI P

I. T NG QUAN	1
1. Gi i thi u v Công ty	1
2. Ngành ngh kinh doanh	1
3. S n ph m và d ch v ch y u:	2
4. Quá trình hình thành và phát tri n.....	2
5. C c u t ch c và qu n lý.....	5
6. Tình hình ho t ng và k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh 03 n m tr c c ph n hóa.....	6
7. V th c a Công ty so v i các doanh nghi p khác trong cùng ngành	11
9. Các r i ro d ki n:.....	12

II. TH C TR NG DOANH NGHI P T I TH I I M XÁC NH GIÁ TR DOANH NGHI P..... 14

1. Th c tr ng v tài s n c nh.....	14
2. T ng di n tích t ai doanh nghi p ang s d ng	15
3. Th c tr ng v tài chính, công n	17
4. Th c tr ng v lao ng.....	18

III. K T LU N..... 18

PH N II: PH NG ÁN C PH N HÓA

I. C S PHÁP LÝ XÂY D NG PH NG ÁN..... 19

1. C s pháp lý	19
2. M c tiêu c ph n hóa	20
3. i u ki n thu n l i c ph n hóa.....	20
4. Giá tr th c t doanh nghi p c ph n hóa	21

II. N I DUNG PH NG ÁN C PH N HÓA..... 24

1. Hình th c c ph n hóa.....	24
------------------------------	----

2. Tên Công ty c ph n.....	24
3. Ngành ngh kinh doanh d ki n	25
4. V n i u l và c c u v n i u l	25
5. i t ng mua c ph n, chính sách bán c ph n giá u ãi và vi c phát hành c ph n qua u giá.....	27
6. Lo i c ph n và ph ng th c phát hành	29
7. Chi phí c ph n hóa.....	29
8. K ho ch hoàn v n ngân sách nhà n c và k ho ch s d ng ti n thu c t c ph n hóa.....	30
9. Ph ng án s p x p l i lao ng	31
10. Ph ng án v t ch c và qu n lý i u hành Công ty.....	33
11. Ph ng án s d ng t sau khi c ph n hóa Công ty:	35
12. Ph ng án u t và chi n l c phát tri n sau khi c ph n hóa.....	37
PH N III: T CH C TH C HI N PH NG ÁN C DUY T	
I. K T LU N - KI N NGH	41

KÝ HIỆU VI TẾT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	B o hi m xã h i
CBCNV	Cán b Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH M t thành viên C p n c B c Liêu
DT	Doanh thu
H	ng h
GCN_KKD	Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh
H_L	H p ng lao ng
H_KD	Ho t ng kinh doanh
H_QT	H i ng qu n tr
H_TV	H i ng thành viên
LN	L i nhu n
LNTT	L i nhu n tr c thu
LNST	L i nhu n sau thu
NMN	Nhà máy n c
TSC	Tài s n c nh
UBND	y ban nhân dân
WB	Tên vi t t t c a World Bank, t ch c Ngân hàng Th gi i

PH N I
GI I THI U CHUNG V DOANH NGHI P

I. T NG QUAN

1. Gi i thi u v Công ty

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MTV C P N C B C LIÊU**

Tên vi t t t : **CÔNG TY C P N C B C LIÊU**

Tên ti ng Anh : **BACLIEU WATER SUPPLY ONE MEMBER CO., LTD**

Tên giao d ch : **BAWACO**

Tr s chính : **92 Lê Du n, ph ng 1, Thành ph B c Liêu, t nh B c Liêu**

i n tho i : **(0781) 3827777 Fax: (0781) 3824812**

Mã s thu : **1900132402**

Website : capnuocbaclieu.com.vn Email: capnuoctpbaclieu@gmail.com

Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p Công ty TNHH M t thành viên: s 1900132402 do S K ho ch và u t T nh B c Liêu c p, ng ký l n u ngày 03/08/2010.

2. Ngành ngh kinh doanh

Theo Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p Công ty TNHH M t thành viên: s 1900132402 do S K ho ch và u t T nh B c Liêu c p, ng ký l n u ngày 03/08/2010, ngành ngh kinh doanh ch y u c a Công ty nh sau:

- u t , thi công các công trình: x lý, cung c p n c s ch ph c v cho sinh ho t, s n xu t kinh doanh;
- u t , thi công xây d ng các công trình dân d ng, công nghi p và h t ng k thu t;
- Thi công các công trình x lý ch t th i sinh ho t, công nghi p;
- Thi công xây d ng công trình th y l i, ng dây i n trung h th , tr m bi n áp 35KV;
- T v n u t xây d ng các công trình dân d ng, công nghi p và h t ng k thu t;
- Kinh doanh v t t ngành n c và ngành xây d ng;
- S n xu t n c tinh khi t óng chai, n c á tinh khi t;
- u t tài chính, góp v n liên doanh, mua c ph n;
- Kinh doanh b t ng s n;

- Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và thi công;

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu cung cấp chủ yếu các dịch vụ sau:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch.

b) Ngành nghề kinh doanh phụ:

- Lắp đặt, thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Lắp đặt, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Thi công các công trình xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp.
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đường dây điện trung hạ thế, trạm biến áp 35KV.
- Tư vấn lắp đặt xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng tinh khiết.
- Lắp đặt tài chính, góp vốn liên doanh, mua cổ phần.
- Kinh doanh bất động sản.
- Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và thi công.
- Công ty sẽ kinh doanh các ngành nghề khác khi có điều kiện.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tiền thân là Công ty Nhà máy nước thành phố Bạc Liêu được thành lập vào năm 1950 và trực thuộc Ty Công chánh Bạc Liêu quản lý chi tiêu và vận hành. Thời điểm này hệ thống nước Bạc Liêu còn nhỏ bé chỉ tập trung tại trung tâm Thành phố với tổng công suất 150 m³/giờ và kho chứa 6.000 mét khối nước trong bể ngầm gang thép kính dày 80 đến 200 mm cung cấp cho gần 1.000 hộ gia đình và một số cơ quan nhà nước khu vực trung tâm còn khu vực ngoại ô có lắp đặt trạm bơm nước công cộng phục vụ dân cư sinh sống.

Vào năm 1970 chính quyền có chủ trương quản lý hệ thống cấp nước tại các địa phương theo ngành dọc và có cơ chế tài chính riêng, lý thu hoạt động và phát triển nên lập ra Cục gia đình (trụ sở tại Sài Gòn) là cơ quan chủ trì quản lý kinh doanh lắp đặt các hệ thống cấp nước trên toàn miền nam và có ngân sách riêng của ngành. Do đó năm 1972 Công ty Nhà máy nước Bạc Liêu được bàn giao cho Cục gia đình quản lý và đổi tên thành Ty Công ty Bạc Liêu.

Tháng 4 n m 1975 trong nh ng ngày u gi i phóng t n c Ban kinh tài B c Liêu tr c thu c y ban quân qu n T nh B c Liêu ã ti p thu và i u hành Ty c p th y cho n u n m 1976 thì bàn giao l i cho Công ty khoan c p n c Mi n Nam (C quan ti p qu n Qu c gia th y c c) qu n lý i u hành theo ngành d c t ó i tên là Xí nghi p C p n c B c Liêu.

u n m 1977 theo ch tr ng c a B Xây d ng các c s c p n c c a các t nh do chính quy n a ph ng qu n lý i u hành nên tháng 05 n m 1977 Xí nghi p C p n c B c Liêu c bàn giao l i cho Ty Xây d ng Minh H i qu n lý .

n n m 1987 do Ty Xây d ng Minh H i ã d i v Cà Mau nên Xí nghi p C p n c B c Liêu c bàn giao cho UBND Th xã B c Liêu qu n lý vi c ch o c k p th i và thu n t i n h n.

Tháng 10 n m 1990 UBND Th xã B c Liêu trong vi c s p x p m t s c quan ban ngành ã sáp nh p 3 n v là Xí nghi p C p n c, Xí nghi p công trình công c ng và Công ty d ch v nhà t thành Công ty Công trình ô th và d ch v nhà t. Ch c n ng nhi m v c a Công ty c giao nhi u h n. Ngoài vi c khai thác v n hành h th ng c p n c Công ty còn có thêm ch c n ng qu n lý èn ng, thu gom, v n chuy n, x lý rác, xây d ng và duy tu m ng l i thoát n c, cung ng v t li u xây d ng và cho thuê nhà thu c đ i n qu n lý c a nhà n c.

N m 1993 Th xã B c Liêu sáp nh p Xí nghi p xây d ng Giao thông vào Công ty và giao thêm nhi m v cho Công ty là thi công, duy tu, qu n lý ng b , qu n lý b n xe, b n tàu trên a bàn th xã B c Liêu ng th i i tên thành Công ty Công trình ô th .

Tháng 01 n m 1997 t nh B c Liêu c tái l p và theo lu t doanh nghi p Công ty Công trình ô th B c Liêu tr c thu c UBND t nh B c Liêu và ch u s qu n lý v chuyên môn c a S Xây d ng B c Liêu .

Tháng 10 n m 2006 do yêu c u t ch c, ch o i u hành vi c ch nh trang ô th B c Liêu c sâu sát UBND t nh B c Liêu có quy t nh tách b ph n v sinh ô th c a Công ty ra thành l p n v m i là Trung tâm d ch v ô th tr c thu c UBND th xã B c Liêu. B ph n còn l i chuyên v u t phát tri n, v n hành h th ng c p n c và c i tên là Công ty C p n c B c Liêu.

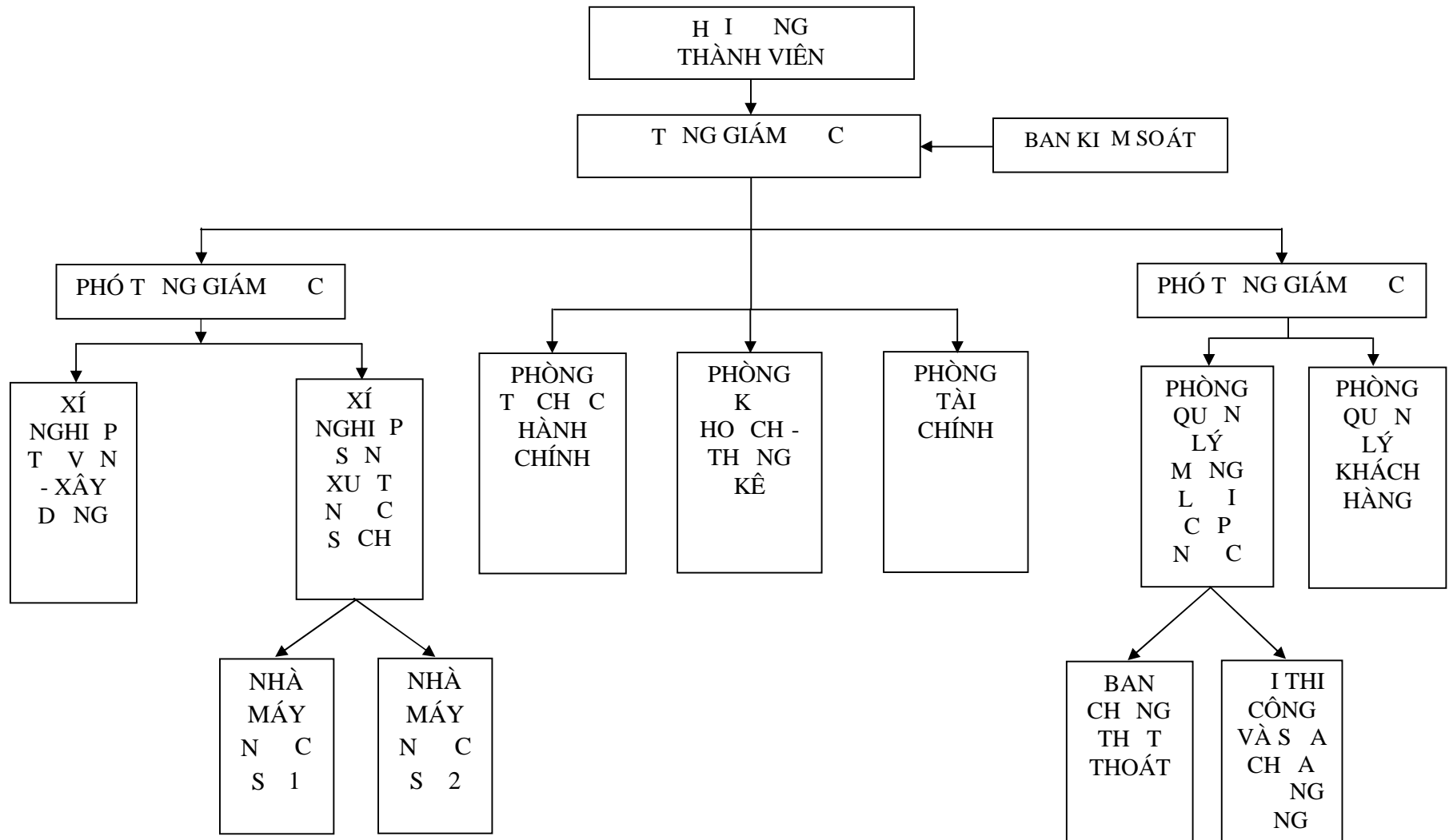
Tháng 08 n m 2010 th c hi n ch tr ng chuy n i doanh nghi p nhà n c Công ty m t l n n a c i tên thành Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu và ho t ng cho n ngày nay.

Tr i qua nhi u tên g i, nhi u n v ch qu n do yêu c u th c t nh ng toàn th lãnh o, cán b công nhân viên c a Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu trong quá trình lâu dài t ngày thành l p n nay luôn ph n u t n t y ph c v s n xu t và i s ng sinh ho t c a nhân dân thành ph B c Liêu. n nay ã xây d ng h th ng c p n c t ng i hoàn ch nh v i 2 nhà máy x lý n c t tiêu chu n, công su t 22.000 m³/ngày êm ph c v cho trên 21.000 h gia ình và c quan, doanh nghi p. Công ty ngày càng m r ng a

bàn c cung c p n c, nâng t l ng i c dùng n c s ch hi n nay lên g n 85% áp
ng nhu c u n c cho s n xu t công nghi p, kinh doanh góp ph n nh bé c a mình vào
vi c a B c Liêu phát tri n tr thành m t thành ph khang trang s ch p.

5. Cấu trúc và quản lý

5.1 Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu:



5.2 Chức năng, nhiệm vụ phòng, Ban, Xí nghiệp:

5.2.1 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng Kế hoạch – Tài vụ

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát công tác kế hoạch, tài vụ.

5.2.2 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng tài chính

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tài chính, kế toán.

5.2.3 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng Tổ chức – Hành chính

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính - quản trị, an toàn lao động, công tác bảo vệ của Công ty; mỗ bộ điều kiện cần thiết cho các hoạt động của máy điều hành Công ty.

5.2.4 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng Quản lý khách hàng

Tham mưu và giúp việc Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành trên lĩnh vực quản lý và thu tiền của khách hàng.

5.2.5 Chức năng, nhiệm vụ chính Phòng quản lý mạng lưới cấp nước

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước, công nghệ thoát nước, thi công lắp đặt mạng lưới khách hàng, sửa chữa mạng lưới cấp nước.

5.2.6 Chức năng, nhiệm vụ chính của Xí nghiệp T v n - xây dựng

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành trên lĩnh vực vận, thi công, quản lý mạng lưới cấp nước và mỗ th s, kiểm thu.

5.2.7 Chức năng, nhiệm vụ chính Xí nghiệp sản xuất nước sạch

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành các Nhà máy sản xuất nước sạch liên tục cung cấp ra hệ thống mạng lưới cấp nước và chi tiết theo quy định hiện hành của Công ty.

6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trở về trước

6.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

6.1.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Volumetric production:

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu hiện đang quản lý vận hành 02 nhà máy nước có tổng công suất: 22.000 m³/ngày đêm:

- Nhà máy nước số 1 có công suất 10.000 m³/ngày đêm
- Nhà máy nước số 2 có công suất 12.000 m³/ngày đêm

Công ty đã xây dựng và phát triển gần 270 km đường các loại (từ D49 đến D500), cung cấp nước sạch cho hơn 21.000 hộ khách hàng, chiếm 85% trên tổng số hộ dân nội ô thành phố Bạc Liêu.

Sản lượng nước sạch sản xuất và tiêu thụ qua các năm của BAWACO

Sản lượng nước sạch	Sản xuất (m ³)	Tiêu thụ (m ³)
2014	6.232.336	4.944.812
2013	5.914.582	4.615.415
2012	6.168.756	4.183.615

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu

6.1.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là nước khai thác từ nguồn nước ngầm xử lý nước trực tiếp vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân.

Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác từ thiên nhiên nên nhìn chung nguồn nước thô nguyên liệu vào của Công ty tương đối ổn định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa vào chi phí nguyên vật liệu, chi phí điện, chi phí nhân công. Chi phí về nguyên vật liệu hiện nay chiếm khoảng 16,9% giá trị hàng bán. Trong khi khung giá tiêu thụ nước sạch bán cho người dân do UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt. Trong hợp chi phí nguyên vật liệu tăng mà UBND tỉnh Bạc Liêu chưa kịp điều chỉnh giá bán nước thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

6.1.3 Chi phí sản xuất

Tổng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu qua các năm như sau:

Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		2014	
	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT
Giá trị hàng bán	18.631	65,5%	19.934	63,9%	21.955	59,0%
Chi phí tài chính						
Chi phí bán hàng	1.494	5,3%	1.944	6,2%	2.642	7,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.371	22,4%	6.609	21,2%	8.739	23,5%
Chi phí khác	480	1,7%	1.120	3,6%	1.809	4,9%
Tổng chi phí	26.976	94,9%	29.607	94,9%	35.145	94,5%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu

Quản lý chi phí là vấn đề mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng hết sức quan tâm nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.

Chi phí sản xuất của Công ty chủ yếu là các loại chi phí sau: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Giai đoạn 2010 - 2014, tổng chi phí chiếm khoảng 95% so với tổng doanh thu và của Công ty kiểm soát mức khá ổn định, không có thay đổi đáng kể. Như vậy, Công ty duy trì được mức ổn định như những năm trước.

Giá vốn hàng bán là hàng mua chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 65% trên tổng doanh thu. Trong đó, chủ yếu là các chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, chi phí nhân công. Giá vốn hàng bán có xu hướng giảm trong năm 2014 với tỷ trọng chi phí là 59% trên tổng doanh thu.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty kiểm soát khá chặt chẽ, giảm 24% trên tổng doanh thu.

Tuy nhiên, để cải thiện và kiểm soát các chi phí một cách chặt chẽ và hiệu quả hơn, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý chi tiêu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như áp dụng Hệ thống quản lý chi tiêu theo Quy chuẩn số QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống kế toán, tăng cường tác dụng quản lý môi trường, giảm thiểu chi phí môi trường và ô nhiễm.

6.1.4 Trình độ công nghệ

Vấn đề mà trọng tâm là cung cấp nước sạch cho thành phố Bạc Liêu, Công ty tập trung phát triển môi trường kế hoạch là mục tiêu hàng đầu.

Sau khi đầu tư và nâng cấp, chất lượng là sau khi hoàn thành Dự án Kế hoạch và vệ sinh môi trường xã Bạc Liêu do chính phủ Việt Nam và chính phủ Úc tài trợ, hệ thống cấp nước của thành phố khá hoàn chỉnh với 02 nhà máy nước: Nhà máy nước số 01 và nhà máy nước số 02 với tổng công suất là 22.000 m³/ngày đêm.

Công suất hiện tại của Nhà máy nước số 01 là 10.000 m³/ngày đêm. Quy trình xử lý nước: Dẫn làm thoáng – Chạm Clo – Lọc – Chạm Clo – Trám bom cấp 2 – Môi trường. Hệ thống xử lý nước uống làm việc ổn định và liên tục 24 giờ/ngày.

Công suất của Nhà máy nước số 02 là 12.000 m³/ngày đêm. Quy trình xử lý Dẫn làm thoáng – Chạm Clo – Lọc – Chạm Clo – Trám bom cấp 2 – Môi trường.

Hiện nay, do nhu cầu sử dụng nước sạch tăng cao nên Công ty TNHH MTV Công ty nước Bạc Liêu phải vận hành 02 nhà máy với công suất gấp đôi là 22.000 m³/ngày đêm. Môi trường cấp nước uống vận hành tốt, đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục cho thành phố Bạc Liêu.

Công ty TNHH MTV Công ty nước Bạc Liêu có mạng cấp nước khoảng 270 km đường dẫn các loại, bao phủ 85% các xã phường trong thành phố.

Các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất luôn được trang bị và hiện đại, đáp ứng tất yếu của công việc như: Các thiết bị của 2 nhà máy nước cũng được đầu tư, công nghệ tiên tiến, bên cạnh đó Công ty còn trang bị các thiết bị kiểm soát áp lực nước và xả nước và

b t l i nh t, thi t b dò tìm ng b và rò r , thi t b phân tích hóa lý và vi sinh n c... m b m ch t l ng n c n ng i tiêu dùng an toàn, liên t c.

6.1.5 Tình hình nghiên c u và phát tri n s n ph m m i

Do c thù c a ho t ng c p n c, vi c nghiên c u và phát tri n s n ph m m i c a Công ty TNHH MTV C p n c B c Liâu ch y u là nâng cao ch t l ng n c sinh ho t, m r ng và c i t o m ng l i phân ph i n các vùng nông thôn trong thành ph , m b o ph c v t t nhu c u c p n c c a a bàn thành ph B c Liâu. Ngoài ra Công ty còn ng d ng m t s công ngh m i nh : H th ng v n hành t ng các tr m bom góp ph n gi m các chi phí nhân công, ng d ng các ph n m m hi n i trong công tác qu n lý và v n hành Công ty.

6.1.6 Tình hình ki m tra ch t l ng s n ph m/d ch v

Nh m nâng cao n ng l c và hi u qu s n xu t Công ty TNHH MTV C p n c B c Liâu th ng xuyên ki m tra nh k ch t l ng n c, áp l c n c,... Công ty TNHH MTV C p n c B c Liâu ã ban hành các s tay chuyên môn, quy ch qu n lý nh : S tay Qu n lý và v n hành m ng c p n c, S tay qu n lý khách hàng,... nh m cung c p thông tin, các quy nh, quy trình, công ngh s n xu t, giúp cán b công nhân viên n m b t và th c hi n công vi c m t cách nhanh chóng, hi u qu .

Ch t l ng n c c a Công ty t ch t l ng theo tiêu chu n do B Y t quy nh t i Quy chu n s QCVN 01:2009/BYT c a B Y t v “Quy chu n k thu t qu c gia v ch t l ng n c n u ng”.

6.1.7 Ho t ng Marketing

Nh m góp ph n tuyên truy n v s d ng n c s ch cho c ng ng dân c , ý th c vi c s d ng n c s ch b o m s c kh e, Công ty TNHH MTV C p n c B c Liâu th ng xuyên t ch c các ho t ng marketing và qu ng bá th ng hi u nh : các tr u ng n c t i vôi, các áp phích, các tin t c trên báo ài,...

6.1.8 Nhãn hi u th ng m i, ng ký phát minh sáng ch và b n quy n

Hi n Công ty ang s d ng logo sau làm th ng hi u cho s n ph m, d ch v c a Công ty:



6.2 Tình hình tài chính và k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh trong các n m tr c khi c ph n hóa

K t qu ho t ng s n xu t kinh doanh và tình hình tài chính c a Công ty giai o n các n m tr c khi c ph n hóa c tóm t t b ng sau:

TT	Ch tiêu	VT	N m 2012	N m 2013	N m 2014
1	T ng tài s n	Tr. ng	92.121	92.109	106.693
2	V n Ch s h u ¹	Tr. ng	74.302	75.437	90.405
3	N ph i tr	Tr. ng	17.819	16.672	16.288
3.1	N ng n h n	Tr. ng	17.819	16.672	16.288
	<i>Trong ó: N quá h n</i>	Tr. ng	0	0	
3.2	N dài h n	Tr. ng	0	0	
	<i>Trong ó: N quá h n</i>		0	0	
4	N ph i thu	Tr. ng	6.680	5.745	2.410
	<i>Trong ó: N khó òi</i>	Tr. ng	0	0	1.110
5	T ng s lao ng bình quân	Ng i	97	96	104
6	T ng qu l ng	Tr. ng	8.706,5	10.029,13	11.784,5
7	Thu nh p bình quân 1 ng i lao ng/tháng	Nghìn ng	7.479,8	8.705,8	9.442,7
8	T ng doanh thu	Tr. ng	28.435	31.218	37.243
9	T ng chi phí	Tr. ng	26.976	29.608	35.145
10	L i nhu n tr c thu	Tr. ng	1.459	1.610	2.098
11	L i nhu n sau thu	Tr. ng	1.096	1.208	1.636
12	T su t LNST/V n nhà n c (%)	Tr. ng	1,48%	1,60%	1,81%

Nguồn: Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu

6.3 Nh ng nhân t nh h ng n ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty

Trong n m v a qua, m t s y u t sau ã nh h ng n k t qu ho t ng kinh doanh c a Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu:

Thu n l i

- Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu nh n c s quan tâm, h tr c a UBND t nh B c Liêu, các c quan ban ngành và chính quy n a ph ng các c p.

¹ V n ch s h u không bao g m Qu khen th ng phúc l i, Ngu n kinh phí và qu khác

- Ban Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tận giác cao.
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước sinh hoạt xây dựng hệ thống mạng cấp nước, giảm thiểu thất thoát nước, nâng cao chất lượng nước, ...
- Các thủ tục sản phẩm nước sạch là không có chi phí tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nước nên hoạt động cung cấp nước mang tính nhân văn cao.

Khó khăn

- Giá bán nước sạch đôi lúc chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường.
- Vấn đề phát triển mới hệ thống cấp nước chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của thành phố.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty hiện đang quản lý mạng lưới cấp nước trên địa bàn TP. Bạc Liêu. Tại địa bàn hoạt động này, Công ty không có chi phí tranh chấp thị phần. So với các doanh nghiệp trong ngành nói chung, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là một trong những Công ty cấp nước có uy tín tại địa phương và khu vực miền Nam.

7.2 Trách nhiệm của ngành

Nhiệm vụ chính là đảm bảo tài nguyên nước bị tổn thất. Nó đóng vai trò then chốt cho cuộc sống và sản xuất, quy hoạch phát triển đô thị. Nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh giúp cho dân cư đô thị phòng tránh các bệnh nguy hiểm như bệnh tiêu chảy, tả, giun sán, nấm, phẩy khuẩn...

Hiện nay trên địa bàn thành phố Bạc Liêu mới sản xuất nước sạch nhân tạo gia đình, hệ thống cấp nước giếng khoan, nước máy, nước ao là sản phẩm cho sinh hoạt gia đình hoặc sản xuất, nguồn nước này chưa đảm bảo vệ sinh, chưa đảm bảo các thành phần lý, hóa theo QCVN 01:2009/BYT ban hành ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế.

Vấn đề sử dụng nước theo quy hoạch Vùng sông nước Sông Cù Long giai đoạn 2015 - 2020 tiêu chuẩn cấp nước cho uống là 120 lít/người/ngày đêm và tỷ lệ dân cư cấp nước sạch là 90%. Hiện tại dân cư thành phố Bạc Liêu qua khảo sát tỷ lệ dùng nước sạch chỉ đạt 100 lít/người/ngày đêm, chưa đạt yêu cầu so với quy chuẩn 2065/Q- TTg ngày 12/11/2010 của Thủ tướng chính phủ.

Vấn đề nguồn nước theo Quy hoạch 2065/Q- TTg ngày 12 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng, trong giai đoạn sau 2020 các đô thị sẽ được quy hoạch 1A trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (trong đó có thành phố Bạc Liêu) sẽ sản xuất nước từ nhà máy nước Sông Hậu 2 (Xây dựng trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh An Giang, công

su t 3.000.000 m³/ngày êm). ưu tiên khai thác ngu n n c m t, s d ng và khai thác h p lý ngu n n c ng m, t ng b c gi m l u l ng khai thác ngu n n c ng m. Ngu n n c ng m s h n ch khai thác tránh hi n t ng s p lún và phòng ch ng bi n i khí h u.

S li u th ng kê s n l ng n c tiêu th nh ng n m qua c a BAWACO t ng khá nhanh, c th :

- S n l ng n c tiêu th n m 2012: 4.183.615 m³/n m; 2013: 4.615.415 m³/n m và n m 2014: 4.944.812 m³/n m.
- T c t ng s n l ng tiêu th bình quân trong 3 n m là 9%.
- D ki n s l ng khách hàng s d ng n c n m 2020 t 29.000 h khách hàng.
- Hi n nay, m ng l i phân ph i n c c a Công ty ã ph kín 85% trên t ng s h dân n i ô thành ph B c Liêu.
- Do ó có th nh n th y, tri n v ng phát tri n c a Công ty cung c p n c TP. B c Liêu là thu n l i cho vì c m r ng ho t ng s n xu t và cung c p n c c a Công ty trong th i gian t i.

7.3 S phù h p nh h ng phát tri n c a Công ty

C n c Quy t nh s 2065/Q -TTg ngày 12/11/2010 c a Th t ng chính ph v vi c phê duy t quy ho ch c p n c tr ng i m ng b ng sông C u Long n n m 2020 và c n c Quy t nh s 221/Q -TTg ngày 22 tháng 02 n m 2012 c a Th t ng chính ph v vi c phê duy t quy ho ch t ng th phát tri n kinh t - xã h i t nh B c Liêu n n m 2020, Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu ã xây d ng **quy ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh n c c a Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu t n m 2015 n n m 2020 và t m nhìn n n m 2030**, Quy ho ch phát tri n c p n c thành ph B c Liêu theo h ng b n v ng, ch t l ng (*ch t l ng d ch v và ch t l ng s n ph m*), s d ng công ngh tiên ti n, m b o ch t l ng các thi t b không l c h u, b o v môi tr ng (*nh t là môi tr ng n c*), áp ng nhu c u s d ng n c cho sinh ho t và s n xu t phù h p v i t c ô th hóa c a thành ph B c Liêu và tri n v ng ngành trong th i gian t i.

9. Các r i ro d ki n:

9.1 R i ro v kinh t :

S n nh và v ng m nh c a n n kinh t trong n c c ng nh th gi i là i u ki n h t s c quan tr ng và c n thi t cho ho t ng kinh doanh c a các doanh nghi p nói chung.

Nh ng n m v a qua, kh ng ho ng tài chính toàn c u và suy thoái kinh t ã tác ng m nh m n n n kinh t th gi i và Vi t Nam. T c t ng tr ng GDP c a Vi t Nam b gi m sút so v i giai o n tr c n m 2008 c th t ng tr ng 6,24% n m 2011, 5,25% n m 2012 và 5,42% n m 2013 và c tính t 5,9% trong n m 2014.

V i các tín hi u tích c c c a kinh t v mô, r i ro kinh t s gi m b t và ho t ng c a doanh nghi p s kh quan h n trong th i gian t i.

Hoạt động chủ yếu của BAWACO là dịch vụ cấp nước sinh hoạt. Trong đó nước sạch là sản phẩm thu được bằng quy trình công nghệ tiên tiến. Do đó, nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng bởi rủi ro kinh tế.

9.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy các mối tác động thay đổi này là tác động hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

9.3 Rủi ro về tài chính

Rủi ro về tài chính và khai thác

Nguồn tài chính chủ yếu của Công ty là từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch. Tuy nhiên, BAWACO có thể gặp các rủi ro về tài chính và khai thác tài nguyên nước như: nguy cơ xâm nhập mặn, nhiễm mangan, giấm lợ, lợ nước,...

Rủi ro về môi trường

Nguy cơ này chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- ✓ Do các thiết bị cá nhân thi công công trình làm bị ô nhiễm môi trường
- ✓ Do khai thác quá mức
- ✓ Do khách hàng gian lận trong việc sử dụng nước

Ảnh hưởng môi trường: Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không đảm bảo.

Việc sử dụng các thiết bị này có thể xảy ra trong ngày. Việc thực hiện thoát nước do khai thác quá mức và gian lận trong việc sử dụng nước thì Công ty đang thực hiện kế hoạch chuyển đổi thoát nước để đảm bảo chất lượng thoát nước theo lộ trình chính phủ tại quy định số 2065/QĐ-TTg ngày 12/11/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2020.

Hiện nay Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nguy cơ thực hiện thoát nước: Hệ thống phân phối nước Map Info,...

9.4 Rủi ro về thị trường

Thị trường bán lẻ nước sạch vẫn được coi là không thành công trong trường hợp sản lượng phân phối bán lẻ thị trường sản lượng phân phối kỹ thuật chào bán trong thị trường quy định.

Về thị trường hiện nay, thị trường kinh doanh nước sạch của Việt Nam có dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cấp nước sạch vẫn phụ thuộc vào giá cả trên

th tr ợng có khá nhi ều, nhà ầu t ư c ồng ứat quan tâm h ầu n ều ho t ợng IPO phát hành c ồng ph ầ u l ầ n ầ u ra công chúng.

Do ó, vì c bán ầ u giá c ồng ph ầ n l ầ n ầ u c ả Công ty s ố g p m t s ố nh h ợng không nh ấ t tình hình chung c ả th tr ợng ch ợng khoán Vi ệ t Nam.

9.5 R ố ro khác

Ngoài ra, ho t ợng c ả Công ty còn ch ầ u nh h ợng b ầ i m t s ố r ố ro b ầ t kh ố kháng nh ấ : r ố ro thiên tai, h ầ a ho n, ngu n n ầ c, ...

II. TH Ể C TR ỢNG DOANH NGHIỆP P T Ứ TH Ứ I Ứ M XÁC Ứ NH GIÁ TR ỢNG DOANH NGHIỆP P

1. Th ể c tr ợng v ầ tài s ố c ồng nh

Tình hình tài s ố c ồng nh c ả Công ty TNHH MTV C ồng n ầ c B ầ c Li ầ u theo s ố li ầ u s ố sách k ố toán t ứ th ứ i ứ m xác ứ nh giá tr ợng doanh nghiệp p (31/12/2014) th ể hi ể n tóm t ầ t ầ b ợng sau:

n v ầ tính: ồng

Tài s ố n	Nguyên giá	Kh ầ u hao	Giá tr ợng còn l ầ i
1. Tài s ố c ồng nh h ầ u hình	109.474.082.100	31.566.012.094	77.908.070.006
Nhà c ầ a, v ầ t k ầ n trúc	32.264.738.848	6.629.629.364	25.635.109.484
+ Tài s ố c ồng n ầ dùng	31.984.720.848	6.602.313.471	25.382.407.377
+ Tài s ố n không c ồng n ầ dùng	280.018.000	27.315.893	252.702.107
Máy móc thi ầ t b	25.396.001.014	10.435.624.541	14.960.376.473
+ Tài s ố c ồng n ầ dùng	25.396.001.014	10.435.624.541	14.960.376.473
+ Tài s ố n không c ồng n ầ dùng			
Ph ầ ng ti ể n v ầ n t ầ i, thi ầ t b truy n đ ầ n	51.494.283.729	14.291.835.333	37.202.448.396
+ Tài s ố c ồng n ầ dùng	51.188.674.154	13.986.225.758	37.202.448.396
+ Tài s ố n không c ồng n ầ dùng	305.609.575	305.609.575	0
Thi ầ t b qu n lý	319.058.509	208.922.856	110.135.653
+ Tài s ố c ồng n ầ dùng	319.058.509	208.922.856	110.135.653
+ Tài s ố n không c ồng n ầ dùng			
2. Tài s ố c ồng nh vô hình	170.000.000		170.000.000

3. Chi phí xây dựng cơ bản đang dở dang	1.100.296.212		1.100.296.212
--	----------------------	--	----------------------

Nguồn: BCTC năm 2014 đã kiểm toán

2. Tài sản cố định hữu hình đang sử dụng

Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu hiện đang quản lý, sử dụng, chi tiết như sau:

Lô đất tại Ngõ Lê Lợi, Phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Trụ sở số 04)

- Diện tích: 41,70 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất 30/04/1975.
- Tình hình sử dụng đất hiện tại: Trụ sở công ty (Giá trị G4).
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại Khóm 3, KDC Phường 5 (Đoàn Nguyễn Văn Xuân – Nguyễn Trung Trực), TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (trụ sở số 13)

- Diện tích: 197,36 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất hiện tại: Trụ sở công ty (Giá trị G13).
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại Ngõ Cao Văn Lộ, Khóm 3, Phường 5, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (trụ sở số 15)

- Diện tích: 96 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất hiện tại: Trụ sở công ty (Giá trị G15).
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại Ngõ Cao Văn Lộ, Phường 2, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (trụ sở số 17)

- Diện tích: 192,50 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn cấp sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng.
- Tình hình sử dụng đất hiện nay: Trữ备 mặt (Giấy G17).
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất ở Trung tâm huyện B. C. Liêu (Trữ备 mặt 10)

- Diện tích: 64 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn cấp sử dụng: Nhà nước giao trong khu vực Trung tâm huyện B. C. Liêu.
- Tình hình sử dụng đất hiện nay: Trữ备 mặt (Giấy G10).
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất ở Tr. n. Hu. nh, ph. ng 7, TP. B. C. Liêu, huyện B. C. Liêu (Đàn c. ph. ng 7)

- Diện tích: 321,9 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn cấp sử dụng: Nhà nước giao trong khu vực Trung tâm Văn hóa TP. B. C. Liêu.
- Tình hình sử dụng đất hiện nay: Đàn c.
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất ở 92 ng Lê Du n, Ph ng 1, TP. B. C. Liêu, huyện B. C. Liêu (Khu x lý n c s 1)

- Diện tích: 7.451,96 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm.
- Nguồn cấp sử dụng: Nhà nước giao không thu tiền sử dụng.
- Tình hình sử dụng đất hiện nay: Khu x lý n c.

- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại Cao Văn Lưu, Khóm 3, Phường 5, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Nhà máy lọc nước 2)

- Diện tích: 160 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm
- Nguồn sử dụng: Chuyển nhượng quy định.
- Tình hình sử dụng đất hiện tại: Trống.
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại Khu dân cư Khóm 3, Phường 5, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Khu xử lý nước 2)

- Diện tích: 10.720,25 m².
- Mục đích sử dụng: để sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng: 50 năm
- Nguồn sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng.
- Tình hình sử dụng đất hiện tại: Khu xử lý nước.
- Giá trị quy định tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

3. Thặng dư tài chính, công nợ

Thặng dư tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Vnch s h u:	90.405.133.661	ng
<i>Trong đó:</i>		
Vn ut c ach s h u:	90.343.753.478	ng
Qu ut phát tri n:	4.718.638	ng
Qu h tr s p x p l i doanh nghi p:	56.661.545	ng
Các kho n ph i thu:	2.409.871.143	ng
Ph i thu ng n h n:	2.409.871.143	ng
Ph i thu dài h n:	0	ng
N ph i tr :	16.287.594.923	ng
N ng n h n:	16.287.594.923	ng
N dài h n:	0	ng

4. Th c tr ng v lao ng

T i th i i m công b giá tr doanh nghi p ngày 31/12/2014, t ng s CBCNV c a Công ty là 103 ng i v i c c u nh sau:

Tiêu chí	S l ng (ng i)	T tr ng (%)
Theo trình lao ng	103	100
Trình i h c và trên i h c	36	34,95
Trình cao ng, trung c p, s c p	62	60,19
Trình khác	5	4,86
Theo lo i h p ng lao ng	99	100
H p ng không th i h n	90	90,91
H p ng th i h n t 1-3 n m	9	9,09
Theo gi i tính	103	100
Nam	85	82.5
N	18	17.5

Ngu n: BAWACO

S lao ng bình quân (ng i) các n m giai o n tr c c ph n hóa nh sau:

Lao ng	N m 2012	N m 2013	N m 2014
S lao ng bình quân n m	97	96	104

Ngu n: BAWACO

III. K T LU N

Là m t doanh nghi p Nhà n c do UBND T nh B c Liâu qu n lý, Công ty TNHH MTV C p n c B c Liâu ã phát huy c các t i m n ng, th m nh s n có và ngày càng kh ng nh v th d n u c a mình trong h th ng các doanh nghi p trong toàn t nh.

C n c vào tình hình t ng quan c ng nh th c tr ng c a Công ty t i th i i m xác nh giá tr doanh nghi p, có th kh ng nh BAWACO hoàn toàn có i u ki n th c hi n c ph n hóa. V i s chuy n i mô hình doanh nghi p l n này c ng nh s i m i v ph ng th c qu n lý, ho t ng kinh doanh c a Công ty giai o n sau c ph n hóa s h a h n nh ng b c phát tri n m i, hi u qu và n nh.

**PH N II
PH NG ÁN C PH N HÓA**

I. C S PHÁP LÝ XÂY DỰNG PH NG ÁN

1. C s pháp lý

- Nghị nh s 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 c a Chính ph v vi c chuy n doanh nghi p 100% v n nhà n c thành Công ty c ph n;
- Nghị nh s 189/2013/N -CP, ngày 20/11/2013 c a Chính ph v vi c s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh s 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 c a Chính Ph v chuy n doanh nghi p 100% v n nhà n c thành Công ty c ph n;
- Thông t s 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 c a B Tài Chính h ng d n x lý tài chính và xác nh giá tr doanh nghi p khi th c hi n chuy n doanh nghi p 100% v n nhà n c thành Công ty c ph n theo quy nh t i Ngh nh s 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 c a Chính ph ;
- Thông t s 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 c a B Tài chính v vi c h ng d n bán c ph n l n u và qu n lý, s d ng t i n thu t c ph n hóa c a các doanh nghi p 100% v n nhà n c th c hi n chuy n i thành Công ty c ph n;
- Nghị nh s 91/2010/N -CP ngày 20/08/2010 c a Chính ph quy nh chính sách i v i ng i lao ng đôi đ khi s p x p l i Công ty trách nhi m h u h n m t thành viên do Nhà n c làm ch s h u;
- Thông t s 38/2010/TT-BL TBXH ngày 24/12/2010 c a B Lao ng – Th ng binh và Xã h i h ng d n thi hành m t s i u c a Ngh nh s 91/2010/N -CP ngày 20/08/2010 c a Chính ph quy nh chính sách i v i lao ng đôi đ do s p x p l i Công ty TNHH MTV do nhà n c làm ch s h u;
- Thông t s 33/2012/TT-BL TBXH ngày 20/12/2012 c a B Lao ng – Th ng binh và Xã h i h ng d n th c hi n chính sách i v i ng i lao ng theo Ngh nh s 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 c a Chính ph v chuy n doanh nghi p 100% v n nhà n c thành Công ty c ph n;
- Công v n s 1922/TTg- MDN ngày 24/10/2011 c a Th t ng Chính ph v vi c phê duy t ph ng án s p x p, i m i doanh nghi p nhà n c thu c y ban Nhân dân t nh B c Liêu giai o n 2011 – 2015;
- Quy t nh s 929/Q -TTg ngày 17/07/2012 c a Th t ng Chính ph v vi c phê duy t án “Tái c c u doanh nghi p nhà n c, tr ng tâm là t p oàn kinh t , t ng công ty nhà n c giai o n 2011 – 2015”;
- C n c Quy t nh s 389/Q -UBND ngày 20/03/2014 c a UBND t nh B c Liêu v vi c thành l p Ban ch o c ph n hóa Công ty TNHH M t thành viên C p n c B c Liêu;
- Báo cáo tài chính các n m 2012, 2013, 2014 c a Công ty TNHH M t thành viên C p n c B c Liêu;
- C n c các v n b n hi n hành khác và trên c s các tài li u k to án liên quan khác.

2. Mục tiêu cụ thể

Thi hành mục tiêu của Chính phủ ghi rõ trong Nghị quyết 59/2011/N-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cụ thể của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức sở hữu, tổ chức thay đổi cơ cấu vốn và phương thức quản lý, tăng bộ cấu trúc công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường nguồn lực tài chính, nâng cao sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân lực của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để phát triển doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ tịch; giám đốc trách nhiệm, công việc và quy định của công đồng, tổ chức thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của công đồng và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Việc chuyển đổi hình thức Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Công ty, liên quan làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn kết trên mức công đồng, mức cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động tích cực và nâng cao hơn trong sản xuất, bộ máy quản lý sẽ có thể tiếp cận cách chuyên nghiệp và có sự gắn kết hơn, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho Công ty.

3. Ưu tiên chủ yếu

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu luôn nhận thức sâu sắc, tận tâm của UBND Tỉnh Bạc Liêu và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là ưu tiên chủ yếu giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thi hành thành công quá trình chuyển đổi.
- Các tổ chức hiện tại của Công ty sẽ tiếp tục tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, chủ yếu cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động để mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty sẽ có sự chủ động tích cực và tận tâm, tổ chức quá trình chuyển đổi diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về chuyển đổi cho cán bộ công nhân viên công đồng thi hành chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty và Ban lãnh đạo nhân viên ưu tiên quy tụ tâm cao trong việc chuyển đổi Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tích cực góp ý đóng góp vào Công ty sau giai đoạn chuyển đổi.
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu hoạt động tại bàn thành phố Bạc Liêu nên việc triển khai bán cổ phần thuận lợi hơn so với các Công ty cấp nước tại bàn nông thôn.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp công nhận hóa

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 06/03/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu và vị trí công bố giá trị doanh nghiệp công nhận hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là: **127.975.671.652 đồng** (Một trăm hai mươi bảy tỷ, chín trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm 31/12/2014 công nhận hóa là: **111.688.076.729 đồng** (Một trăm mười một tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng).

Giá trị thực tế doanh nghiệp công nhận hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm 31/12/2014 trình bày chi tiết bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Ch tiêu	Số liệu sách kế toán	Số liệu xác nhận	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. TÀI SẢN DÙNG DÙNG (I+II+III+IV)	103.932.093.792	127.975.671.652	24.043.577.860
I. Tài sản dài hạn	83.662.338.161	106.114.350.348	22.452.012.187
I.1. Tài sản cố định	78.925.664.111	101.277.676.298	22.352.012.187
1.1. TSCĐ hữu hình	77.655.367.899	100.107.380.086	22.452.012.187
- Nhà cửa vật kiến trúc	25.382.407.377	28.541.455.180	3.159.047.803
- Máy móc thiết bị	14.960.376.473	20.467.253.949	5.506.877.476
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	37.202.448.396	50.927.736.334	13.725.287.938
- Thiết bị dụng cụ quản lý	110.135.653	170.934.623	60.798.970
1.2. Tài sản vô hình	170.000.000	70.000.000	(100.000.000)
1.3. Chi phí XDCB dở dang	1.100.296.212	1.100.296.212	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Ch tiêu	S li u s sách k toán	S li u xác nh l i	Chênh l ch
2. Các kho n ph i thu dài h n	-	-	-
- Ph i thu dài h n c a khách hàng	-	-	-
- Ph i thu dài h n khác	-	-	-
3. Các kho n u t tài chính dài h n	-	-	-
4. Tài s n dài h n khác	4.736.674.050	4.836.674.050	100.000.000
- Chi phí tr tr c dài h n	4.447.651.648	4.547.651.648	100.000.000
- Tài s n dài h n khác	289.022.402	289.022.402	-
II. TSL và u t ng nh n	20.269.755.631	21.861.321.304	1.591.565.673
1. Tì n và các kho n t ng ng tì n	1.296.865.135	1.296.865.364	229
- Tì n	1.296.865.135	1.296.865.364	229
- Các kho n t ng ng tì n	-	-	-
2. Các kho n TTC ng nh n	11.043.007.942	11.043.007.942	-
- u t ng nh n	11.043.007.942	11.043.007.942	-
- D phòng gi m giá u t ng nh n (*)	-	-	-
3. Các kho n ph i thu	2.409.871.143	3.392.380.976	982.509.833
- Ph i thu khách hàng	2.013.990.026	1.886.823.813	(127.166.213)
- Tr tr c cho ng i bán	1.017.926.413	1.017.926.413	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Ch tiêu	S li u s sách k toán	S li u xác nh l i	Chênh l ch
- Ph i thu n i b ng n h n	-	-	-
- Các kho n ph i thu khác	487.630.750	487.630.750	-
- D phòng các kho n ph i thu khó òi	(1.109.676.046)	-	1.109.676.046
4. Hàng t n kho	5.063.594.573	5.063.594.573	-
- Hàng t n kho	5.063.594.573	5.063.594.573	-
- D phòng gi m giá hàng t n kho	-	-	-
5. Tài s n ng n h n khác	456.416.838	1.065.472.449	609.055.611
- Chi phí tr tr c ng n h n	267.244.352	876.299.963	609.055.611
- Thu GTGT c kh u tr	174.571.017	174.571.017	-
- Thu và các kho n ph i thu Nhà n c	10.601.469	10.601.469	-
- Tài s n ng n h n khác	4.000.000	4.000.000	-
III. Giá tr l i th kinh doanh c a DN	-	-	-
IV. Giá tr quy n s đ ng t	-	-	-
B. TÀI S N KHÔNG C N DÙNG	2.760.634.792	2.760.634.792	-
I. Tài s n c nh và u t dài h n	252.702.107	252.702.107	-
I. Tài s n c nh	252.702.107	252.702.107	-
II. Tài s n l u ng và u t ng n h n	2.507.932.685	2.507.932.685	-

Ch tiêu	S li u s sách k toán	S li u xác nh l i	Chênh l ch
1. Hàng t n kho	2.507.932.685	2.507.932.685	-
C. TÀI S N KHÔNG TÍNH VÀO GTDN	-	-	-
D. TÀI S N CH THANH LÝ	-	-	-
T NG GIÁ TR TÀI S N C A DN (A+B+C+D)	106.692.728.584	130.736.306.444	24.043.577.860
T NG GIÁ TR TH CT C A DN (M c A)	103.932.093.792	127.975.671.652	24.043.577.860
<i>E1. N th ct ph i tr</i>	<i>16.287.594.923</i>	<i>16.287.594.923</i>	-
<i>E2. Ngu n kinh phí s nghi p</i>	-	-	-
T NG GIÁ TR TH CT PH N V N NHÀ N CT IDOANH NGHI P [A-(E1+E2)]	87.644.498.869	111.688.076.729	24.043.577.860

Ngu n: H s xác nh giá tr doanh nghi p BAWACO t i th i i m 31/12/2014 do SIVC l p và Quy t nh s 313/Q -UBND ngày 06/03/2015 c a y ban Nhân dân t nh B c Liêu

II. NỘI DUNG PH NG ÁN C PH N HÓA

1. Hình th c c ph n hóa

C n c c i m và tình hình th ct , doanh nghi p ch n hình th c c ph n hóa theo kho n 2 i u 4 Ngh nh s 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 c a Chính ph v chuy n doanh nghi p 100% v n nhà n c thành Công ty c ph n là **“Bán m t ph n v n nhà n c hi n có t i doanh nghi p”**.

2. Tên Công ty c ph n

Tên Công ty : **CÔNG TY C PH N C P N C B C LIÊU**

Tên ti ng Anh : **BACLIEU WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao d ch : **BAWACO**

Tr s chính : **92 Lê Du n, ph ng 1, Thành ph B c Liêu, t nh B c Liêu**

i n tho i : **(0781) 3827777** Fax: **(0781) 3824812**

Website : capnuocbaclieu.com.vn Email: capnuoctpbaclieu@gmail.com

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và nông thôn	3600
2	Thiết kế, thi công các công trình: xây dựng, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh;	3600
3	Thiết kế, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;	
4	Thi công các công trình xây dựng nhà ở sinh hoạt, công nghiệp;	3900
5	Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đường dây điện lực;	42900
6	Thiết kế, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;	7110
7	Kinh doanh vận tải ngành nước và ngành xây dựng;	4669-4663
8	Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng thiên nhiên;	1104
9	Thiết kế tài chính, góp vốn liên doanh, mua cổ phần;	
10	Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và thiết bị;	
11	Cho thuê xe, vận tải hàng hóa...	

4. Vốn đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư

Mô hình đầu tư dự kiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình chuyển đổi, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu dự kiến đầu tư vào các công trình xây dựng như sau:

Vốn đầu tư Công ty : **111.688.000.000** VNĐ

Mức giá mua cổ phần : 10.000 VNĐ.

Số lượng cổ phần : 11.168.800 cổ phần

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Chênh lệch: 76.729 đồng, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu chuyển về Quỹ dự trữ dự phòng doanh nghiệp theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TT ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối trên 50% vốn điều lệ 65% vốn điều lệ khi cổ phần hóa;

Ngoài ra, căn cứ tính toán, khoản 2, điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư khác không thấp hơn 25% vốn điều lệ. Số cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác không thấp hơn 50% số cổ phần nêu trên.

Các chủ sở hữu của Công ty cổ phần bán lần đầu tiên như sau:

TT	Công	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	6.701.280	67.012.800.000	60%
2	CBCNV mua ưu đãi	191.400	1.914.000.000	1,71%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	118.400	1.184.000.000	1,06%
2.2	<i>Mua theo đúng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	73.000	730.000.000	0,65%
3	Công nhân Công ty			
4	Nhà đầu tư chiến lược (đặc biệt)			
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	4.276.120	42.761.200.000	38,29%
Tổng cộng		11.168.800	111.688.000.000	100%

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ xử lý theo quy định tại điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thâu tiền mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND Tỉnh Bạc Liêu thực hiện xử lý các chủ sở hữu. Ban Chấp hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và người đại diện pháp nhân của nhà nước tổ chức doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo điều lệ thông qua Hội đồng quản trị quy định bán tiếp phần vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sau khi Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã chính thức hoạt động.

ng theo Luật Doanh nghiệp, theo phương án cổ phần hóa đã được UBND Tỉnh Bạc Liêu phê duyệt và chấp thuận.

5. Nội dung mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

5.1 Phương thức bán cổ phần lần đầu

Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư 196/2011/TT-BTC. Giá ưu đãi thành công thì phần trăm của cuộc đấu giá là các số xác định giá bán cổ phần cho người lao động mua cổ phần.

5.2 Nội dung mua cổ phần

Nội dung mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty, công đoàn, nhà xuất khẩu và các nhà xuất khẩu trong, ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

5.3 Cổ phần bán cho CBCNV

5.3.1 Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thống kê xuyên của doanh nghiệp thì thì miễn công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mình miễn thuế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá ưu đãi thành công thì phần trăm (trường hợp đấu giá công khai trừ) hoặc bằng 60% giá bán thành công thì phần trăm cho các nhà xuất khẩu chi nhánh (nếu có) trong trường hợp bán cho nhà xuất khẩu chi nhánh”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày **31/12/2014** (thời điểm UBND Tỉnh Bạc Liêu công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu cổ phần hóa) là: **103** người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **103** người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **1.189** năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **118.900** cổ phần với tổng mệnh giá là **1.189.000.000** đồng chiếm 1,065% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Công ty có 102 CBCNV ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **118.400** cổ phần, tổng mệnh giá là **1.184.000.000** đồng chiếm 1,06% vốn điều lệ Công ty cổ phần (ính kèm theo Quy định số 54/QĐ-CTY ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và Danh sách người lao động ký mua cổ phần ưu đãi).

- Thời gian thanh toán bán sản phẩm cho CBCNV: Vị trí nhân viên bán sản phẩm cho CBCNV sẽ thanh toán sau khi thanh toán giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng 60% giá mua giá thành công suất (trên giá công khai trừ) hoặc bằng 60% giá bán thành công suất cho các nhà đầu tư chi trả (nếu chi trả giá bán cho nhà đầu tư chi trả).

5.3.2 *Công ty mua theo hợp đồng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty công nhân*

Theo quy định tại Khoản 2c điều 48 Nghị quyết 59/2011/N-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty công nhân thì giá bán sản phẩm cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán sản phẩm cuối cho người lao động mua thêm quy định tại khoản 2 điều này xác định là giá mua thành công suất (trên giá công khai trừ) hoặc bằng giá bán thành công suất cho các nhà đầu tư chi trả (nếu chi trả giá bán cho nhà đầu tư chi trả)”.

BAWACO có 42 CBCNV hợp đồng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số sản phẩm là **73.000 sản phẩm**, tổng giá trị mua là **730.000.000 đồng** chiếm 0,65% vốn điều lệ công ty công nhân (theo kèm theo Quyết định số 54/Q-CTY ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bắc Liêu và Danh sách người lao động ký mua sản phẩm cam kết).

Trường hợp chi trả tiền lương người lao động trên cơ sở cam kết thì phải bán lại cho công ty công nhân toàn bộ sản phẩm mua thêm với mức giá giao dịch trên thị trường nếu không vượt quá giá mua thì chi trả cho người lao động.

Thời gian thanh toán bán sản phẩm cho CBCNV: Vị trí nhân viên bán sản phẩm cho CBCNV sẽ thanh toán sau khi thanh toán giá công khai ra công chúng.

Giá bán: bằng giá mua giá thành công suất của cụ thể giá công khai hoặc Công ty bán giá công khai trừ khi bán sản phẩm cho nhà đầu tư chi trả.

5.4 *Công ty bán giá ra bên ngoài*

Sản phẩm thanh toán bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng sản phẩm bán giá ra bên ngoài: **4.276.120 sản phẩm**, chiếm 38,29% vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm là **10.100 đồng/sản phẩm** (xem Báo cáo thuyết minh giá khởi điểm do Công ty công nhân lập).
- Thời gian bán giá: Dự kiến tháng 04-10/05/2015, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Bắc Liêu phê duyệt phương án công nhân hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Bắc Liêu thành Công ty công nhân.
- Thanh toán thanh toán bán giá: Công ty TNHH MTV CNBL xuất Công ty Công nhân khoán Bắc Liêu cho Công ty Công nhân khoán Bắc Liêu. Công ty TNHH MTV Cấp nước Bắc Liêu trình UBND tỉnh Bắc Liêu xem xét quyết định.

- i t ng tham gia u giá: Các nhà u t cá nhân, nhà u t t ch c trong n c và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t (Theo quy nh t i i u 6 Ngh nh 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 c a Chính Ph).

6. Lo i c ph n và ph ng th c phát hành

6.1 Lo i c ph n

C ph n c a Công ty t i th i i m bán l n u là c ph n ph thông. Các ho t ng mua, bán, chuy n nh ng, th a k c ph n c th c hi n theo quy nh c a i u l Công ty c ph n và các v n b n pháp lu t khác có liên quan.

6.2 Ph ng th c phát hành

- Vi c bán c ph n giá u ãi, c ph n theo cam k t cho CBCNV c th c hi n t i doanh nghi p theo danh sách c Công ty l p và c UBND t nh phê duy t cùng v i Ph ng án này.
- C ph n bán cho các nhà u t khác thông qua hình th c bán u giá d ki n c t ch c t i S Giao d ch Ch ng khoán TP.HCM.

7. Chi phí c ph n hóa

Theo quy nh t i Kho n 4 i u 12 Thông t s 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 c a B Tài chính, t ng m c chi phí t i a c a doanh nghi p c ph n hóa có giá tr doanh nghi p trên 100 t ng là không quá 500 tri u ng.

Giá tr th c t c a Công ty theo s sách vào th i i m xác nh giá tr doanh nghi p là **106.692.728.584** ng nên t ng chi phí c ph n hóa c a Công ty t i a là **500.000.000** ng.

Chi phí c ph n hóa c a Công ty d ki n bao g m các kho n m c chính sau:

Stt	N i dung chi	CHI PHÍ (ng)
I.	Các kho n chi tr c ti p	51.200.000
01	Ki m kê, xác nh giá tr tài s n	2.000.000
02	L p ph ng án, xây d ng i u l	20.000.000
03	i h i CNV tri n khai CPH	4.200.000
04	Ho t ng tuyên truy n, công b thông tin doanh nghi p	5.000.000
05	Chi phí i h i c ông l n u	20.000.000
II.	Chi thuê t v n	182.000.000
01	Thuê ki m toán	25.000.000
02	Thuê t v n xác nh giá tr doanh nghi p	97.000.000

03	Thuê t v n bán c ph n	60.000.000
III.	Thù lao BC và T giúp vi c	225.990.000
01	Thù lao BC	157.950.000
02	Thù lao T giúp vi c	68.040.000
IV.	Các chi phí khác	10.810.000
	T NG C NG	470.000.000

Ghi chú:

(*) C n c Thông t s 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 c a B Tài chính quy nh v m c thu, ch thu, n p, qu n lý và s d ng phí bán u giá c ph n, l phí bán u giá c ph n và các lo i ch ng khoán theo quy nh c a Lu t Ch ng khoán t i S Giao d ch Ch ng khoán TP.HCM là 0,3% trên t ng giá tr c ph n th c t bán c và t i a không v t quá 300 tri u ng/l cu c bán u giá c ph n.

Chi phí c ph n hóa s c quy t toán trên c s các chi phí th c t sau khi k t thúc quá trình c ph n hóa.

8. K ho ch hoàn v n ngân sách nhà n c và k ho ch s d ng t i n thu c t c ph n hóa

Vi c qu n lý, s d ng t i n thu t c ph n hóa th c hi n theo quy nh t i m c III Thông t s 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 c a B Tài chính.

Trên c s giá tr th c t ph n v n nhà n c t i doanh nghi p, t l góp v n c a nhà n c t i Công ty c ph n, Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu đ ki n k ho ch hoàn v n ngân sách nhà n c, t m tính theo ph ng án gi s t t c s l ng c ph n bán ra c bán h t v i giá kh i i m 10.100 ng và giá u thành công th p nh t là 10.100 ng/ c ph n, chi ti t nh sau:

TT	K ho ch hoàn v n ngân sách nhà n c	S t i n (ng)
1	V n i u l Công ty c ph n	(a)
		111.688.000.000
2	V n Nhà n c th c t t i doanh nghi p sau khi ánh giá l i	(b)
		111.688.076.729
3	Ti n thu t c ph n hoá	(c)
		44.643.616.000
3.1	Thu t bán c ph n cho CBCNV	1.454.804.000
	+ Mua theo tiêu chu n thâm niên làm vi c trong khu v c Nhà n c	717.504.000
	+ Mua theo ng ký cam k t làm vi c lâu dài t i Công ty c ph n	737.300.000
3.2	Thu t bán c ph n cho nhà u t chi n l c	
3.3	Thu t bán u giá ra bên ngoài	43.188.812.000

4	Giá trị m nh giá c ph n ã bán cho CBNV, bán u giá ra bên ngoài	(d)	44.675.200.000
5	Giá trị m nh giá c ph n hoàn v n ngân sách	(e) = (b) – (a)	76.729
6	Chi phí c ph n hoá n v th c hi n	(f)	470.000.000
7	Chi phí gi i quy t chính sách i v i lao ng dôi d	(g)	
	T ng s tí n hoàn v n ngân sách	(c) + (e) – (f) – (g)	44.173.692.729

Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu s th c hi n hoàn v n ngân sách nhà n c theo quy nh sau khi hoàn t t vi c bán c ph n ra bên ngoài.

9. Ph ng án s p x p l i lao ng

9.1 Ph ng án s d ng lao ng

Nh m nâng cao hi u qu s n xu t kinh doanh c a doanh nghi p, phát huy c n ng l c c a ng i lao ng sau khi chuy n sang lo i hình Công ty c ph n; d a trên c s hi n tr ng i ng lao ng hi n có c a doanh nghi p, nhu c u lao ng đ ki n c a Công ty giai o n sau c ph n hóa và các quy nh c a pháp lu t v lao ng nh m nâng cao hi u qu s n xu t kinh doanh c a Công ty, phát huy c n ng l c c a ng i lao ng, Công ty đ ki n s tí n hành ph ng án s p x p l i lao ng (trích t Quy t nh s 236/Q -CTY ngày 09 tháng 3 n m 2015 v i v i c phê duy t Ph ng án s d ng lao ng do chuy n i Công ty TNHH MTV C p n c B c Liêu thành Công ty c ph n) nh sau:

STT	N i dung	T ng s	Ghi chú
I	T ng s lao ng t i th i i m công b giá tr doanh nghi p c ph n hóa	103	
1	Lao ng không thu c đ i n ký h p ng lao ng	03	
2	Lao ng làm vi c theo H L	100	
	a) Lao ng làm vi c theo H L không xác nh th i h n	91	
	b) Lao ng làm vi c theo H L xác nh th i h n, khoán	7	
	c) Làm vi c theo mùa v ho c m t công vi c nh t nh đ i 03 tháng	0	
	d) Lao ng làm vi c theo h p ng d ch v	2	
3	Lao ng ang ngh vi c nh ng có tên trong danh sách lao	0	

STT	N i dung	T ng s	Ghi chú
	ng c a Công ty		
II	S lao ng s ngh vi c t i th i i m công b giá tr doanh nghi p c ph n hóa	0	
1	S lao ng i u ki n ngh h u theo ch hi n hành	0	
2	S lao ng s ch m d t H L , chia ra:	0	
	a) H th n H L	0	
	b) T nguy n ch m d t H L	0	
	c) Ch m d t h p ng lao ng v i lý do khác theo quy nh c a pháp lu t	0	
3	S lao ng không b trí c vi c làm t i th i i m công b giá tr doanh nghi p CPH, chia ra:	0	
	a) S lao ng đôi d th c hi n theo N s 91/2010/N - CP	0	
	b) S lao ng ph i ch m d t h p ng lao ng và tr tr c p m t vi c làm	0	
III	S lao ng s chuy n sang làm vi c t i Công ty c ph n	103	
1	S lao ng mà H p ng lao ng, H d ch v còn th i h n, H i ng thành viên, K toán tr ng	103	
2	S lao ng ngh h ng ch BHXH	0	
	a) m au	0	
	b) Thai s n	0	
	c) Tai n n lao ng, b nh ngh nghi p	0	
3	S lao ng ang t m hoãn th c hi n H L	0	
	a) Ngh a v quân s	0	
	b) Ngh a v công dân khác	0	
	c) B t m giam, t m gi	0	
	d) Do 2 bên th a thu n (không quá 03 tháng)	0	

9.2 Chính sách i v i ng i lao ng:

C n c kho n l, i u 10, Ngh nh 59/2011/N -CP, Công ty c ph n có ngh a v k th a m i trách nhi m i v i ng i lao ng t doanh nghi p c ph n hóa chuy n sang; có quy n tui n ch n, b trí s d ng lao ng và ph i h p v i các c quan liên quan gi i quy t ch cho ng i lao ng theo quy nh c a pháp lu t.

10. Ph ng án v t ch c và qu n lý i u hành Công ty

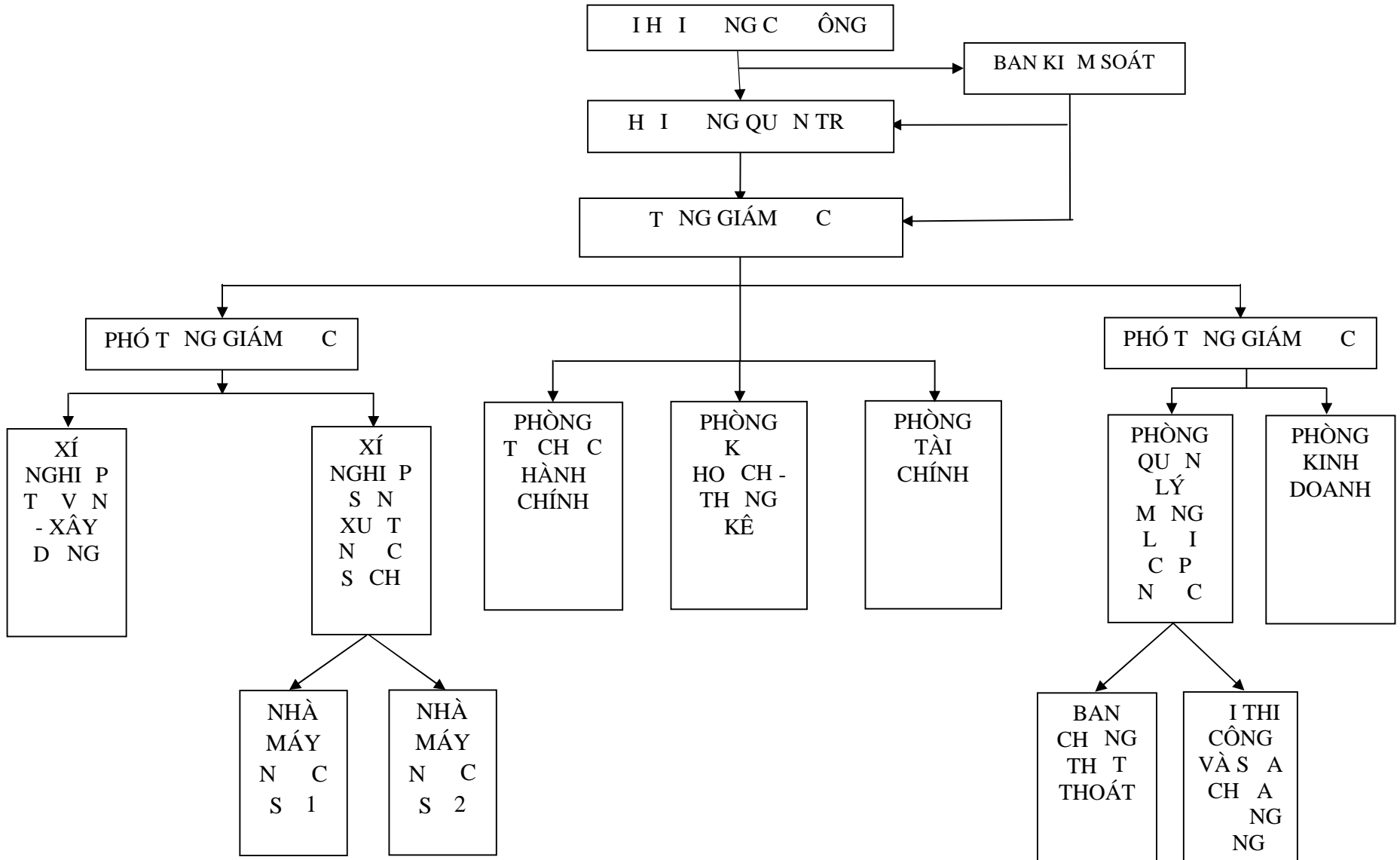
Công ty C ph n C p n c B c Liêu ho t ng theo i u l t ch c và ho t ng c a Công ty do i h i ng c ông thông qua, c n c theo các quy nh c a Lu t doanh nghi p, d i s qu n tr, giám sát và i u hành c a H i ng qu n tr, Ban ki m soát và Ban T ng Giám c.

D ki n b máy t ch c c a Công ty sau khi c ph n nh sau

STT	CH C DANH, CÔNG VI C	NH BIÊN T I A
	T NG S	181
I	BAN LÃNH O CÔNG TY	11
1	H I NG QU N TR	03
2	BAN T NG GIÁM C	03
3	BAN KI M SOÁT	03
4	TH KÝ	02
II	PHÒNG T CH C - HÀNH CHÁNH	10
III	PHÒNG TÀI CHÍNH	09
IV	PHÒNG KINH DOANH	32
V	XÍ NGHĨ P T V N XÂY D NG	12
VI	PHÒNG QLML C P N C	44
VII	XÍ NGHĨ P S N XU TN CS CH	58
VIII	PHÒNG K HO CH - TH NG KẾ	05

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Mô hình tổ chức của Công ty Cấp nước Bạc Liêu thể hiện như sau:



11. Ph ả ng ả n s đ ả ng t sau khi c ả ph n hóa Công ty:

- T i t trình s 39/TTr-Cty ngày 25/07/2014 v i v i c xin phê duy t ph ả ng ả n s đ ả ng t sau khi C ả ph n hóa Công ty TNHH MTV C ả p n c B c Liêu và báo cáo s 280/BC-STNMT ngày 28/08/2014 c a S Tài nguyên môi tr ả ng v i v i c xem xét n i dung ph ả ng ả n s đ ả ng t c a Công ty TNHH MTV C ả p n c B c Liêu s đ ả ng t thuê tr t i n hàng n m th c hi n C ả ph n hóa. Ngày 22/09/2014 UBND t nh B c Liêu có công v n s 3258/UBND-KT v i v i c ch p thu n ph ả ng ả n s đ ả ng t c a Công ty TNHH MTV C ả p n c B c Liêu th c hi n c ả ph n hóa doanh nghi p.

- M t s n i dung chính c a ph ả ng ả n s đ ả ng t:

S tt	Tên khu t	a i m	Di n tích (m ²)	Ngu n g c t	Hi n tr ng khu t	Quy ho ch chi t i t xây đ ả ng khu t	M c ích S đ ả ng t	Ghi chú
1	Tr m b m s 4	ả ng Lê L i n i dài, Ph ả ng 7	41,70	Nhà n c giao t không thu t i n SD t 30/4/1975	Nhà kho và gi ả ng n c b h ả ng ch XD l i	Khu dân c t ch nh trang (Có ch ả ng ch QH s 70/07/CCQH ngày 14/3/2007)	Tr m b m c p 1 (Gi ả ng G4)	Góc ả ng Hòa Bình – Lê L i
2	Tr m b m s 13	Khóm 3, KDC Ph ả ng 5 (o n ả ng Vi t Xuân – ả ng Trung Tr c)	197,36	Chuy n nh ả ng QSD	ả XD hoàn th i n; ả ng ho t ả ng	Khu dân c ph ả ng 5 (Có Q s 31/Q - UBND ngày 13/02/2007 c a UBND t nh B c Liêu)	Tr m b m c p 1 (Gi ả ng G13)	
3	Tr m b m s 15	ả ng Cao V n L u, Khóm 3, Ph ả ng 5	96,00	Chuy n nh ả ng QSD	ả XD hoàn th i n; ả ng ho t ả ng	Khu dân c t ch nh trang (Có ch ả ng ch QH s 51/07/CCQH ngày 15/5/2007)	Tr m b m c p 1 (Gi ả ng G15)	G n ả ng vào khu dân c Thiên Long
4	Tr m b m s 17	ả ng Cao V n L u, Ph ả ng 2	192,50	Nhà n c giao t có thu t i n SD	ả XD hòa th i n; ả ng ho t ả ng	Khu dân c t ch nh trang (Có Q s 30/Q - UBND ngày 13/2/2007 c a UBND t nh B c Liêu)	Tr m b m c p 1 (Gi ả ng G17)	G n ả ng vào TT KDC ph ả ng 2
5	Tr m b m s 10	Khu Trung Tâm H i ả ng t nh B c Liêu	64,00	Nhà n c t m giao t	ả XD hòa th i n; ả ng	t XD Trung tâm V n hóa t nh B c Liêu	Tr m b m c p 1 (Gi ả ng)	Cty m n t c a TT H i

S tt	Tên khu t	a i m	Di n tích (m ²)	Ngu n g c t	Hi n tr ng khu t	Quy ho ch chi tí t xây d ng khu t	M c ích S d ng t	Ghi chú
				trong khu t c a TT H i Ngh t nh BL	ho t ng		G10)	nnghi5 khoan Gi ng n c
6	ài n c Ph ng 7	ng Tr n Hu nh, ph ng 7, Tp.BL	321,90	Nhà n c t m giao t trong khu t c a TT V n Hóa TP BL	ã XD hòa thi n; ang ho t ng	Phù h p QH (Có CV s 1311/UB ngày 10/11/2003 c a UBND t nh B c Liêu và CCQH s 46/CCQH ngày 07/8/2002 c a S XD)	ài n c	Trong khuôn viên TT V n hóa tp.B c Liêu
7	Khu x lý n c s 1	ng Lê Du n, Ph ng 1, TPBL	7.451,96	Nhà n c giao t không thu tí n SD	ã XD hòa thi n; ang ho t ng	Phù h p QH (QH khu TT Hành chánh)	Khu x lý n c	VP Công ty (m i)
8	Nhà máy l c n c s 2	ng Cao V n L u, Khóm 3, Ph ng 5	160,00	Chuy n nh ng QSD	ã XD, gi ng n c b h ng, ch XD l i	QH khu dân c t ch nh trang	Tr m b m	Cách tr m 15 kho ng 30m
9	Khu x lý n c s 2	Khu dân c khóm 3, Ph ng 5, Tp.BL	10.720,25	Nhà n c giao t không thu tí n SD	ã XD hòa thi n; ang ho t ng	C b n phù h QH. Tuy nhiên công trình XD khu x lý n c s 2 (Thu c DA Úc ã XD hoàn thi n a vào s d ng) ch ng l n lên QH ã c phê duy t	Khu x lý n c	NM n c ng Nguy n Tri Ph ng vào 100m
	T ng di n tích (m²):		19.245,67m²					

12. Ph ng án u t và chi n l c phát tri n sau khi c ph n hóa

12.1 nh h ng phát tri n c a Công ty

Trong giai o n t n m 2015 n 2017 Công Ty C Ph n C p N c B c Liêu ch n m c tiêu u tiên **ch t l ng và áp l c n c** là hàng u ph c v cho khách hàng v i ph ng ch m “**Ch t l ng hàng u, khách hàng trên h t**”. Các m c tiêu còn l i nh : **gi m chi phí s n xu t, phát tri n khách hàng** v n th c hi n song trùng. V i m c tiêu nêu trên Công ty luôn luôn nâng cao ch t l ng n c nh m m b o uy tín, th ng hi u và s tin yêu c a khách hàng. Các m c tiêu c th :

- Ch t l ng và áp l c n c:

+ Ch t l ng t tiêu chu n c a B Y T ,

+ Áp l c n c n i xa nh t và b t l i nh t t t 0,8 - 1 KG/cm²

- **Gi m chi phí s n xu t:** gi m các chi phí s n xu t (có k ho ch gi m chi phí s n xu t hàng n m t 1% n 3%), gi m t l th t thoát n c theo k ho ch ra.

- **Phát tri n khách hàng:** m r ng m ng l i ng ng c p n c n các khu dân c t p trung còn l i c a thành ph B c Liêu. Th c hi n chính sách khu y n m i, qu ng bá th ng hi u, ch m sóc khách hàng,...

12.2 K ho ch u t

STT	D án	Giá tr u t (tri u ng)	Ngu n v n		Th i gian th c hi n
			V n ch s h u	V n vay	
1	C i t o nâng c p nhà n c s 01 công su t t 10.000 m ³ /ngày êm lên 15.000 m ³ /ngày êm	12.240	6.120	6.120	2015 – 2020
2	C i t o nâng c p nhà n c s 02 công su t t 12.000 m ³ /ngày êm lên 15.000 m ³ /ngày êm	12.240	6.120	6.120	2015 – 2020
3	C i t o và phát tri n m ng l i c p n c n i ô thành ph B c Liêu	90.342	27.103	63.239	2015 – 2020

Ghi chú: () : Vay Qu u t phát tri n t nh B c Liêu ho c ODA ho c phát hành trái phi u.*

12.3 Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cải tiến hóa (ính kèm theo kế hoạch chi tiết)

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 5 năm 2010-2014 và các năm trước các ngành tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại nhà B c Liêu giai đoạn 2010-2020, chỉ tiêu phát triển Công ty sau cải tiến hóa nêu trên, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016- 2018 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	vt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn đầu tư	Tr. ng	111.688	111.688	111.688
2	Tổng doanh thu	Tr. ng	40.632,02	42.842,02	46.889,60
3	Tổng chi phí	Tr. ng	34.237,57	35.563,79	37.834,12
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. ng	6.394,44	7.278,23	9.055,48
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr. ng	4.987,66	5.677,02	7.063,27
6	LNST/Vốn đầu tư	%	4,47	5,08	6,32
7	Tỷ lệ tăng chi phí	%	2,235	2,85	4,085

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công nhân B c Liêu

Ghi chú: - Các chỉ tiêu lợi nhuận theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ và Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thu thuế doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ như sau: thuế lợi nhuận doanh nghiệp là 22% cho năm 2015 và 20% từ ngày 01/01/2016.

12.4 Biện pháp thực hiện

Vấn đề hành hoạt động của công ty Cải tiến

Sau khi chuyển sang công ty Cải tiến, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã đi sâu nghiên cứu, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Ban giám đốc. Việc bố trí HĐQT, BKS sẽ theo quy định của Hội đồng công, theo quy định của luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành về công ty Cải tiến. Các hoạt động của công ty cải tiến là đầu tư xây dựng theo quy định của luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

Vấn đề hành sản xuất kinh doanh

Để thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý sản xuất:

- + Tăng cường công tác nâng cao năng suất các nhà máy trên các các biện pháp về kỹ thuật, văn hóa, môi trường, hạ tầng kỹ thuật;
- + Quản lý vận hành tốt nhà máy, duy tu, bảo dưỡng nhà máy, thiết bị;
- + Quản lý chi phí nguyên vật liệu tiêu chuẩn B y t .

- Biện pháp quản lý khách hàng, giá thành sản phẩm tiêu thụ nội bộ:
 - + Ưu đãi mua hàng, chiết khấu công nợ nội bộ, khách biệt là khu vực địa phương có nhu cầu;
 - + Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng;
 - + Công tác ghi thu tiền nội bộ, giảm thiểu khoản thu xu hướng mặt tiền.

- Biện pháp vận hành tiết kiệm chi phí:

❖ Tiết kiệm chi phí thông qua việc chọn lựa thiết bị thoát nước:

- + Tăng cường công tác chọn lựa thiết bị thoát nước, hạn chế thiết bị thoát < 25% nhằm tiết kiệm chi phí;
- + Tăng cường công tác quản lý vận hành nội bộ, chọn lựa đơn vị nội bộ;
- + Hàng năm có kế hoạch chi trả các hình thức vận chuyển rác thải thoát cao.

❖ Tiết kiệm thông qua chi phí vận hành:

- Vận hành và chi phí vận hành là một trong những khoản mục chi phí lớn trong giá thành sản phẩm, do đó cần phải có biện pháp tiết kiệm chi phí như:

- + Vận hành máy bơm cấp I và thiết bị xử lý nước vào giờ thấp nước, có giá điện thấp sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm ban ngày;
- + Thay thế thiết bị, máy bơm có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện năng các thiết bị máy bơm hao tổn ít vận hành.

❖ Thông qua các biện pháp giảm chi phí khác:

- + Chọn lựa phí vận hành và thời gian vận hành: đây là một trong những chi phí lớn trong giá thành sản phẩm do vậy cần phải có giải pháp tiết kiệm cụ thể: sắp xếp lịch chạy bơm máy công ty khoa học, sắp xếp công suất vận hành, nhằm giảm công suất, thực hiện khoán quản lý cho người vận hành, vận hành đội d, vận hành lưới điện, vận hành không có trình độ, nâng cao thì giờ quy định cho người vận hành.
- + Xây dựng quy chế vận hành chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, ưu tiên công trình xây dựng nội bộ công trình do công ty làm chủ đầu tư.

V tài chính

- Tập trung tích lũy vốn vận hành có tiềm năng tài chính sẽ thể hiện các dự án ưu đãi mua hàng, chiết khấu, nâng công suất các nhà máy nội bộ, mua hàng nội bộ công nhân mua áp dụng nhu cầu sử dụng các thiết bị cho nhân dân thành phố.

- Tăng cường hiểu quả sử dụng vận hành các biện pháp nhằm ưu tiên giải quyết theo nhu cầu ưu tiên, pháp luật và công suất của các công trình đã đầu tư.

V nguồn nhân lực

- đánh giá năng lực cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động tiếp tục nâng cao kiến thức toàn bộ máy quản lý và hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty thực hiện công tác đào tạo luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao tay nghề thấp, nâng cao kỹ năng phát huy hết năng lực cá nhân.

- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo nội bộ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng người cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm làm việc và quản lý.

- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn nữa tới người lao động có năng lực. Khuyến khích xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện trở thành người lao động giỏi.

V. Thị trường

- Quản lý thị trường hiện tại, chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngành nghề nhằm tạo cho người dân tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty bảo vệ sức khỏe người dân.

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khuyến khích uy tín thị trường hiện tại của công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các thị trường khách hàng.

V. Công nghệ

- Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hoạt động quản lý các thành phần: ứng dụng các phần mềm kế toán, văn phòng, quản lý khách hàng, quản lý tài sản,...

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, vận hành sản xuất các thiết bị.

Giới pháp chung

- Các Trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp, Trưởng ban có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiêu tháng, quý, 6 tháng, năm; người chỉ trì triển khai nội dung kế hoạch của công ty và các hoạt động phòng, xí nghiệp, ban cho người lao động thu nhập và mình quản lý nhân viên và thực hiện.

- Các vị lãnh đạo các Phòng, Ban, Xí nghiệp phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện, tháo gỡ vướng mắc và đánh giá thực hiện công việc thực giao.

- Nhận nhiệm vụ phát triển chung của doanh nghiệp khác tác động đến kế hoạch kinh doanh của công ty để có những xu hướng và ban lãnh đạo chỉ đạo kịp thời kế hoạch, năm bắt kịp thị trường kinh doanh mới mang lại lợi nhuận cho công ty,...

- Xây dựng chính sách khen thưởng cá nhân, tập thể có đóng góp, có sáng kiến, có cách làm giỏi chi phí sản xuất hay các đóng góp quản lý khác... người nhận, xử lý các cá nhân, tập thể không tuân thủ các quy định của ban lãnh đạo làm ảnh hưởng xấu tới kết quả sản xuất kinh doanh, hoặc thực hiện sai các quy định của công ty, chính sách của Nhà nước,...

- Xây dựng phong trào thi đua lao động sản xuất tiết kiệm, chung tham ô lãng phí trong toàn công ty.

- Phát huy truyền thống là nhân viên kiên trì, nhiệm vụ mà liên tục phấn đấu và vượt qua khó khăn để phát triển kinh doanh tốt nhất của công ty sản xuất kinh doanh tốt hơn cho xã hội, cùng nhau đưa công ty phát triển xứng tầm trong tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long./.

I. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Thành tích phấn đấu của Công ty TNHH MTV Công nhân Bạc Liêu là phù hợp với chỉ tiêu của nhà nước và cần tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính nghị UBND Tỉnh Bạc Liêu xem xét và phê duyệt phương án cải tiến Công ty TNHH MTV Công nhân Bạc Liêu Công ty triển khai thực hiện các bước cải tiến theo đúng quy định của Nhà nước.

PHẦN III TỔNG KẾT CÔNG VIỆC PHƯƠNG ÁN CẢI TIẾN

Sau khi phương án cải tiến của Công ty được phê duyệt và có quy định của UBND Tỉnh Bạc Liêu về việc chuyển Công ty TNHH MTV Công nhân Bạc Liêu thành Công ty cải tiến, Công ty đã triển khai thực hiện phương án theo lịch trình đã đề nghị như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cải tiến	30/03/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	05-10/5/2015
3	Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV	05-10/5/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần và Ban chấp hành cổ phần hóa, tổ chức bán đấu giá cổ phần không bán hết (nếu có)	11-31/05/2015
5	Điểu chỉnh nội dung văn bản (nếu có), công bố điều chỉnh nội dung Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức điều chỉnh thành lập	31/5 – 10/6/2015
6	Tổ chức điều chỉnh thành lập thông qua điều chỉnh, báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	11/6 – 20/6/2015
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cải tiến	20/6 - 25/06/2015
8	Lập Báo cáo tài chính tình hình Công ty Cổ phần để cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu; thực hiện QT thu; QT chi phí CP hóa; kiểm toán BCTC; báo cáo UBND tỉnh kết quả CP hóa	01/7 – 15/7/2015

TT	N i dung công vi c	Th i gian
9	Làm th t c ng ký kinh doanh và xin c p d u m i cho Công ty c ph n, in S ch ng nh n s h u c ph n cho c ông	01/7 - 15/7/2015
10	T ch c ra m t Công ty c ph n, ng báo theo quy nh Công ty c ph n chính th c i vào ho t ng	15/07 - 20/7/2015
11	Th c hi n quy t toán ph n v n Nhà n c t i th i i m c c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh	15/7 - 25/7/2015
12	Bàn giao danh sách lao ng, tài s n, v n, s sách, tài li u cho H i ng qu n tr Công ty c ph n	25/7 - 31/07/2015

B c Liêu, ngày tháng n m 2015
CÔNG TY TNHH MTV C P N C B C LIÊU
T NG GIÁM C

LÊ V NS N

**Y BAN NHÂN DÂN T NH B C LIÊU
CÔNG TY TNHH MTV C P N C B C LIÊU**

-----  -----

**PH NG AN
C PH N HÓA CÔNG TY TNHH MTV
C P N C B C LIÊU**

B c Liêu, tháng 3 n m 2015